TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 441/2019/QĐST-HNGĐ	*Thủ Đức, ngày 24 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; Điều 361 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 247/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: 17A4/5 đường số 22, khu phố 7, phường A, quận B, Thành phố C.

- Bà Huỳnh Thị Thùy L, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: 17A4/5 đường số 22, khu phố 7, phường A, quận B, Thành phố C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự , yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 294, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân phường A, quận B, Thành phố C cấp ngày 26/01/2007 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Hữu T và bà Huỳnh Thị Thùy L được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Căn cứ các bản tự khai , biên bản hòa giải có trong hồ sơ, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức nhận thấy:

- Hôn nhân giữa ông Nguyễn Hữu T và bà Huỳnh Thị Thùy L là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Thời gian đầu, ông T và bà L chung sống khá hạnh phúc. Sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, công việc và tình cảm. Rất nhiều lần, cả hai đã ngồi nói chuyện với nhau để hàn gắn tình cảm, cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình và nuôi dạy con chung nhưng mâu thuẫn giữa hai bên vẫn không được cải thiện. Vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung, sự chia sẻ và cảm thông. Ông T và bà L xác định không còn tình cảm với nhau, yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Nguyễn Hữu T và bà Huỳnh Thị Thùy L có 02 con chung tên Nguyễn Thùy Như, sinh ngày: 23/10/2007 và Nguyễn Hoàng Phi, sinh ngày: 16/10/2015. Hai bên thống nhất giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Ông T và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông T và bà L khai không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu T và bà Huỳnh Thị Thùy L thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 294, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân phường A, quận B, Thành phố C cấp ngày 26/01/2007).

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thùy Như, sinh ngày: 23/10/2007 và Nguyễn Hoàng Phi, sinh ngày: 16/10/2015 cho bà Huỳnh Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Nguyễn Hữu T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện bắt đầu từ tháng 5/2019.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền

phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ông Nguyễn Hữu T được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, hai bên đều có thể xin thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông T và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông T và bà L khai không có.

- Về lệ phí:

Lệ phí việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, ông Nguyễn Hữu T và bà Huỳnh Thị Thùy L phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 23801 ngày 15/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Ông T và bà L đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND quận Thủ Đức;
- THA DS quận Thủ Đức;
- TAND TPHCM;
- UBND xã A,
huyện B, tỉnh C;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Nga